



Phụ lục XIV

BẢNG GIÁ ĐẤT CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86 /2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
I	Thành phố Biên Hòa	
1	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 21 (nối khu tái định cư khu F với Khu dân cư Đình Tân Lại) (phường Bửu Long)	
	Đường N4 (từ đường Nguyễn Du đến hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 20 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 20 về bên trái, phường Bửu Long)	21.000
	Đường Nguyễn Bình Khiêm (từ đường Huỳnh Văn Nghệ đến đường N10, khu dân cư Bửu Long)	21.000
	Đường D2 (phường Bửu Long)	21.000
	Đường N12 (phường Bửu Long)	21.000
	Các đường còn lại	14.700
2	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh (phường Long Bình Tân)	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh	14.000
3	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên (phường An Hòa)	
	Các đường trong Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên	16.000
4	Khu tái định cư phường An Hòa	
	Quốc lộ 51, Đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	23.000
	Các đường còn lại	16.000
5	Khu dân cư, tái định cư phường Long Bình (Công ty 28 - Bộ Quốc phòng)	
	Đường Hoàng Tam Kỳ (từ đường Bùi Văn Hòa đến hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 về bên trái, phường Long Bình)	20.000
	Các đường còn lại	14.000
6	Khu tái định cư số 39 (khóm 3) (phường Long Bình Tân)	
	Các đường trong Khu tái định cư số 39 (khóm 3)	16.000

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
7	Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án) (phường Tam Hiệp)	
	Các đường trong Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án)	24.500
8	Khu dân cư và tái định cư số 44 (phường Phước Tân)	
	Quốc lộ 51, Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến cầu sông Buông	14.000
	Các đường còn lại	9.800
9	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 54 (phường Tân Biên)	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư số 54	15.400
10	Khu tái định cư 4,20 ha (phường Tân Hạnh)	
	Đường Phạm Văn Điều	12.000
	Các đường còn lại	8.400
11	Khu tái định cư Khu phố Nhị Hòa (phường Hiệp Hòa)	
	Đường Đỗ Văn Thi, Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết cây xăng An Thái An	20.000
	Các đường còn lại	14.000
12	Khu tái định cư phường Bửu Long	
	Đường D2 (phường Bửu Long)	21.000
	Đường N12 (phường Bửu Long)	21.000
	Các đường còn lại	14.700
13	Khu Tái định cư Long Bình	
	Các đường trong Khu Tái định cư Long Bình	15.400
14	Khu TĐC Khu phố Bình Dương (phường Long Bình Tân)	
	Đường Châu Văn Lồng (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 25 về bên trái, phường Long Bình Tân)	14.000
	Các đường còn lại	9.800
15	Khu TĐC Long Hưng	
	Các đường trong Khu TĐC Long Hưng	6.300
16	Khu tái định cư Quốc Lộ 1A (phường Phước Tân)	
	Các đường trong Khu tái định cư Quốc Lộ 1A	11.900
17	Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh	
	Các đường trong Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh	8.400

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
18	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3 ha tại phường Bửu Long	
	Đường 10 (từ đường Nguyễn Du đến đường D5, khu dân cư Bửu Long)	21.000
	Các đường còn lại	14.700
19	Khu tái định cư phường Quang Vinh	
	Đường Đông Tây 3 (phường Quang Vinh)	21.000
	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ)	23.000
	Các đường còn lại	16.000
20	Khu TĐC Tân Phong 1	
	Các đường trong Khu TĐC Tân Phong 1	7.000
21	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Tân Biên	
	Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bôn đến hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 5 về bên trái, phường Tân Biên)	12.000
	Các đường còn lại	8.400
22	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng) (phường Tân Hiệp)	
	Đường Phạm Thị Nghĩa vào khu tái định cư Tân Hiệp	20.000
	Các đường còn lại	14.000
23	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	
	Đường Phạm Văn Thuận	35.000
	Các đường còn lại	24.500
24	Khu dân cư phục vụ TĐC KP1 phường Bửu Long	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ TĐC KP1 phường Bửu Long	14.700
25	Khu tái định cư 1 ha phường Tân Biên	
	Đường vào nhà máy nước Thiện Tân (nối từ đường vào khu tái định cư Tân Biên đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, phường Tân Biên)	12.000
	Các đường còn lại	8.400
26	Khu TĐC Tân Phong	
	Đường Lương Văn Nho, Đoạn từ đường vào cư xá Tỉnh đội đến ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa	17.000
	Các đường còn lại	11.900

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
27	Khu tái định cư 0,16 ha phường Hiệp Hòa	
	Đường Đặng Văn Tron, Đoạn từ đường Đỗ Văn Thi đến đường rẽ lên cầu Bừu Hòa	21.000
	Các đường còn lại	14.700
28	Khu dân cư An Bình mở rộng (cty Sonadezi)	
	Đường Trần Thị Hoa	16.000
	Các đường còn lại	11.200
29	Khu dân cư An Hòa 2 (phường An Bình)	
	Đường Trần Thị Hoa	16.000
	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toàn đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	16.000
	Các đường còn lại	11.200
30	Khu tái định cư phường An Bình (Ajinomoto)	
	Các đường trong Khu tái định cư phường An Bình (Ajinomoto)	11.200
31	Khu dân cư Tân Hạnh 1 ha	
	Các đường trong Khu dân cư Tân Hạnh 1 ha	8.400
32	Khu dân cư 1 ha phường Hóa An	
	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đường vào Mỏ đá BBCC cũ)	13.000
	Các đường còn lại	9.100
33	Khu dân cư Phú Gia (phường Trảng Dài)	
	Đường Nguyễn Khuyến (từ ngã tư Phú Thọ đến giáp xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu), Đoạn từ đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến ngã 4 Quang Thắng	17.000
	Các đường còn lại	11.900
34	Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha	
	Các đường trong Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha	7.000
35	Khu tái định cư Hố Nai	
	Các đường trong Khu tái định cư Hố Nai	18.900
36	Khu tái định cư 3,2 ha phường Bừu Long	
	Các đường trong Khu tái định cư 3,2 ha phường Bừu Long	14.700
37	Khu tái định cư Phước Hữu (phường Bừu Hòa)	
	Các đường trong Khu tái định cư Phước Hữu	14.700

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
38	Khu dân cư, tái định cư phường Tam Phước	
	Đường Hà Nam (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82 về bên phải và hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 về bên trái, phường Tam Phước)	5.000
	Các đường còn lại	3.500
II	Huyện Long Thành	
1	Khu tái định cư Liên Kim Sơn (thị trấn Long Thành)	
	Đường Huỳnh Văn Lũy (từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Quang Khải)	6.000
	Đường Nguyễn Văn Ký	6.000
	Các đường còn lại	4.200
2	Khu tái định cư An Phước (Xuân An)	
	Các đường trong Khu tái định cư An Phước (Xuân An)	6.300
3	Khu tái định cư Tam An	
	Các đường trong Khu tái định cư Tam An	2.950
4	Khu tái định cư Long An	
	Đường Bung Môn qua xã Long An (từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769)	5.700
	Các đường còn lại	4.000
5	Khu tái định cư An Thuận (xã Long An)	
	Các đường trong Khu tái định cư An Thuận	5.000
6	Khu tái định cư Phước Bình	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Choro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 31; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 31, xã Phước Bình))	6.000
	Các đường còn lại	4.200
7	Khu tái định cư Tân Hiệp	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Choro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 31; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 31, xã Phước Bình))	6.000
	Các đường còn lại	4.200
8	Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn	
	Các đường: N19, N23, N39, D1, D16, D18	8.500
	Các đường: N7, N 47, N54, D2, D10, D22	7.000
	Các tuyến đường còn lại	5.600

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
9	Khu tái định cư Long Đức	
	Đường liên xã Long Đức - Lộc An đoạn qua xã Long Đức (từ UBND xã Long Đức qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến đường Lê Quang Định giáp thị trấn Long Thành)	4.800
	Các đường còn lại	3.350
10	Khu tái định cư Tân Hiệp mở rộng	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Choro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐDC số 31; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐDC số 31, xã Phước Bình	6.000
	Các đường còn lại	4.200
11	Tái định cư thị trấn Long Thành	
	Đường Hoàng Minh Châu	6.200
	Các đường còn lại	4.350
12	Tái định cư Lâm Trường (thị trấn Long Thành)	
	Đường Nguyễn Đình Chiểu (từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh)	14.000
	Các đường còn lại	9.800
13	Khu tái định cư Long Phước	
	Các đường trong Khu tái định cư Long Phước	4.300
III	Huyện Nhơn Trạch	
1	Khu dân cư, tái định cư Đại Lộc 1 và 2 (xã Đại Phước)	
	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (Đoạn từ đường Trần Văn Trà đến đường vào khu tái định cư Đại Lộc 1	12.000
	Các đường còn lại	8.400
2	Khu tái định cư Phước Khánh	
	Đường vào khu tái định cư Phước Khánh (từ đường Phạm Thái Bường đến hết khu tái định cư Phước Khánh)	5.200
	Các đường còn lại	3.700
3	Khu tái định cư Phú Hội	
	Đường Cây Dầu (từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Lý Thái Tổ)	4.600
	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (Đoạn từ đường vào đình Phú Mỹ 2 (Phú Hội) đến hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội)	7.200
	Các đường còn lại	4.000

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
4	Khu tái định cư Phước Thiện	
	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện (xã Phước Thiện), từ đường Lý Thái Tổ đến hết khu Tái định cư Phước Thiện	5.900
	Các đường còn lại	4.100
5	Khu tái định cư Hiệp Phước 1	
	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ, đoạn qua thị trấn Hiệp Phước)	11.000
	Các đường còn lại	7.700
6	Khu dân cư, tái định cư Hiệp Phước 2	
	Đường Huỳnh Văn Nghệ (đường số 3 khu dân cư thị trấn Hiệp Phước)	6.200
	Các đường còn lại	4.300
7	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	
	Đường Huỳnh Văn Nghệ (đường số 3 khu dân cư thị trấn Hiệp Phước)	6.200
	Các đường còn lại	4.300
8	Khu tái định cư Long Thọ	
	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (Đoạn qua xã Long Thọ (từ ranh giới thị trấn Hiệp Phước và xã Long Thọ đến ranh giới xã Long Thọ và xã Phước An)	7.800
	Các đường còn lại	5.400
9	Khu tái định cư Phước An 1	
	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (Đoạn qua xã Phước An (từ ranh giới xã Long Thọ và xã Phước An đến ranh giới xã Phước An và xã Vĩnh Thanh)	7.200
	Các đường còn lại	5.000
10	Khu dân cư, tái định cư Phước An 2 (Công ty HUD bàn giao cho UBND huyện quản lý và sử dụng)	
	Đường Nguyễn Văn Cừ	6.500
	Đường Lê Hồng Phong (đường số 1 cũ), từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch	6.500
	Các đường còn lại	4.500

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
11	Khu dân cư, tái định cư Phước An 3 (Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư)	
	Đường Nguyễn Văn Cừ	6.500
	Các đường còn lại	4.500
12	Khu tái định cư Phú Đông (Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công thương làm chủ đầu tư)	
	Các đường của Khu tái định cư Phú Đông	3.300
IV	Thành phố Long Khánh	
1	Khu tái định cư phường Xuân Tân	
	Các đường trong Khu tái định cư phường Xuân Tân	1.000
2	Khu tái định cư phường Bảo Vinh	
	Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn)	2.100
	Đường Nguyễn Trung Trực (Đoạn qua phường Bảo Vinh)	3.000
	Các đường còn lại	1.700
V	Huyện Xuân Lộc	
1	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (phục vụ dự án cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây)	
	Đường Nguyễn Văn Linh (Đường số 21 đoạn qua Khu tái định cư thị trấn Gia Ray)	2.200
	Các đường còn lại	1.800
2	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray	
	Đường Phan Văn Trị (Từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3)	2.400
	Đường số 4	1.800
	Các đường còn lại	1.700
3	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp	
	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến, từ Quốc lộ 1 đến hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐDC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐDC số 26 về bên trái, xã Xuân Hiệp	1.200
	Đường vào Trạm y tế (xã Xuân Hiệp), từ Quốc lộ 1 đến ranh hồ Gia Măng	1.200
	Các đường còn lại	850

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
4	Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III	
	Các đường trong Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III	975
VI	Huyện Cẩm Mỹ	
1	Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa	
	Các đường trong Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa	2.100
2	Khu dân cư có bố trí tái định cư Xuân Quế	
	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn (đoạn từ đầu khu tái định cư xã Xuân Quế đến đường Cầu Đỏ - Suối Sâu)	1.800
	Các đường còn lại	1.300
3	Khu tái định cư tại xã Lâm San	
	Các đường trong khu tái định cư tại xã Lâm San	1.300
VII	Huyện Trảng Bom	
1	Khu dân cư và tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	7.000
	Đường Hai Bà Trưng (từ đường Ngô Quyền đến đường An Dương Vương)	6.000
	Đường Lý Thái Tổ	6.500
	Đường Lý Nam Đế	6.500
	Đường 30 tháng 4 từ Quốc lộ 1 đến đường An Dương Vương	11.000
	Các đường còn lại	5.000
2	Khu tái định cư 4,7 ha thị trấn Trảng Bom	
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	7.000
	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha))	7.000
	Đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Ngô Quyền)	11.000
	Đường Lê Đại Hành (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Lý Nam Đế)	6.500
	Đường Lý Nam Đế	6.500
	Đường Trần Nhật Duật (từ đường Hùng Vương đến hết ranh thửa đất số 562, tờ BĐDC số 15 về bên phải và hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 về bên trái, thị trấn Trảng Bom)	4.500
	Các đường còn lại	4.500

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
3	Khu TĐC phục vụ Quốc lộ 1A-đoạn tránh thành phố Biên Hòa, xã Bình Minh	
	Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp thuộc xã Bình Minh (qua khu tái định cư Bình Minh), từ thửa đất số 456, tờ BĐDC số 29, xã Bình Minh đến thửa đất số 1154, tờ BĐDC số 29, xã Bình Minh	6.000
	Đường trục chính khu TĐC Bình Minh	4.500
	Các đường còn lại	4.200
4	Khu tái định cư Hồ Nai	
	Các đường trong Khu tái định cư Hồ Nai	2.500
5	Khu tái định cư 2,5 và 3,5 ha Bắc Sơn	
	Đường tỉnh 767 (Đoạn từ ngã 3 Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mỹ)	8.400
	Các đường còn lại	5.900
6	Khu dân cư số 1 (thị trấn Trảng Bom)	
	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ trụ sở Hội người mù đến cây xăng Thành Thái)	11.000
	Đường Nguyễn Văn Linh	8.500
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)	8.000
	Đường Lê Quý Đôn	4.500
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	4.500
	Các đường còn lại	4.500
7	Khu tái định cư Lò Gạch (thị trấn Trảng Bom)	
	Đường Ngô Quyền	7.500
	Các đường còn lại	5.300
8	Khu dân cư Tây Hòa	
	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn xã Tây Hòa)	3.200
	Các đường còn lại	2.200

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
9	Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cánh (thị trấn Trảng Bom)	
	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)	10.000
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	4.500
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến Quốc lộ 1)	4.500
	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Quốc lộ 1)	5.000
	Đường Nội bộ Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cánh	5.000
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Quốc lộ 1)	8.000
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)	8.000
VIII	Huyện Thống Nhất	
1	Khu tái định cư Bàu Hàm 2 (thị trấn Dầu Giây)	
	Các đường trong Khu tái định cư Bàu Hàm 2	2.800
2	Khu dân cư Xóm Hố (các xã Hưng lộc, Bàu Hàm 2)	
	Các đường trong Khu dân cư Xóm Hố	4.700
IX	Huyện Định Quán	
1	Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	
	Các đường trong Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	360
2	Khu tái định cư Làng Cá Bè (xã Thanh Sơn)	
	Các đường trong Khu tái định cư Làng Cá Bè	100
3	Khu tái định cư xã Phú Túc	
	Các đường trong Khu tái định cư xã Phú Túc	2.700
4	Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho	
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho	1.800
5	Khu tái định cư L9, xã Túc Trung	
	Đường 4A	1.300
	Các đường còn lại	900
6	Khu tái định cư L16, xã Túc Trung	
	Đường 2A	1.300
	Đường 4A	1.300
	Các đường còn lại	900

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
7	Khu A1, xã Túc Trưng	
	Đường 2A	1.300
	Các đường còn lại	900
8	Khu A3, xã Túc Trưng	
	Đường 2A	1.300
	Các đường còn lại	900
9	Khu tái định cư xã Phú Tân	
	Đường 120 (xã Phú Tân)	420
	Các đường còn lại	300
10	Khu dân cư xã Phú Tân	
	Đường 120 (xã Phú Tân)	420
	Các đường còn lại	300
11	Khu tái định cư đô thị La Ngà	
	Đường 101B (xã La Ngà), từ đường 101B đến đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà	590
	Các đường còn lại	415
12	Khu định canh định cư	
	Các đường trong Khu tái định cư, xã La Ngà	350
13	Khu tái định cư 1 và Khu tái định cư 2, thị trấn Định Quán	
	Đường Ngô Quyền	
	Đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Trần Hưng Đạo	3.500
	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Cách mạng tháng 8	2.200
	Đường Trần Hưng Đạo	
	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	3.100
	Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Cách Mạng Tháng 8	3.000
	Đường 3 Tháng 2	
	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	3.400
	Đường Chu Văn An	2.200
	Đường Lương Thế Vinh	1.900
	Đường Ngô Thời Nhiệm	1.900
	Đường Mạc Đĩnh Chi	1.900
	Đường Nguyễn Du	1.900
	Đường Lý Thường Kiệt	1.900

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
	Đường Trần Nhân Tông, đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐ số 7, thị trấn Định Quán	2.200
	Các đường còn lại	1.700
14	Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ (thị trấn Định Quán)	
	Các đường trong Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ	490
15	Khu tái định cư Lò Gạch (thị trấn Định Quán)	
	Các đường trong Khu tái định cư Lò Gạch	420
16	Khu dân cư bệnh viện cũ (thị trấn Định Quán)	
	Đường Trịnh Hoài Đức, từ đường 17/3 đến đường Gia Canh	1.300
	Các đường còn lại	900
17	Khu Tái định cư Đồi Nancy (thị trấn Định Quán)	
	Các đường trong Khu Tái định cư Đồi Nancy	1.000
18	Khu tái định cư xã Gia Canh	
	Đường Gia Canh, đoạn còn lại, từ Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐDC số 26 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐDC số 40 về bên phải, xã Gia Canh	700
	Các đường còn lại	490
X	Huyện Tân Phú	
1	Khu tái định cư (9.7ha) (thị trấn Tân Phú)	
	Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha (từ đường Phạm Ngọc Thạch đến hết ranh thửa đất số 550, tờ BĐDC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 574, tờ BĐDC số 3 về bên trái, thị trấn Tân Phú)	1.200
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Thượng Hiền đến hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐDC số 2, thị trấn Tân Phú)	2.200
	Đường Phạm Ngọc Thạch (từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 83, tờ BĐDC số 2 về bên phải và hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐDC số 2 về bên trái, thị trấn Tân Phú)	2.200
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Thượng Hiền)	1.600
	Đường Nguyễn Du (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến thửa đất số 16, tờ BĐDC số 3, thị trấn Tân Phú)	1.200
	Các đường còn lại	1.200
2	Khu tái định cư (15 ha) (thị trấn Tân Phú)	
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.600
	Đường Nguyễn Trí Phương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.600



TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
	Đường Nguyễn Chí Thanh (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	1.200
	Đường Lý Thường Kiệt (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	1.200
	Đường Lê Đại Hành (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.200
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8	1.200
	Đường N4, N5, N12, N13	1.100
	Đường N1, N2, N3, N6, N7, N8, N9, N10, N14, N15, N16	1.000
	Các đường còn lại	1.000
XI	Huyện Vĩnh Cửu	
1	Khu Tái định cư ấp Thới Sơn (xã Bình Hòa)	
	Các đường trong Khu Tái định cư ấp Thới Sơn	4.550
2	Khu tái định cư (cũ) (xã Trị An)	
	Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ BĐDC số 58, xã Trị An)	650
	Các đường trong Khu tái định cư	460
3	Khu định cư xã Phú Lý	
	Các đường trong Khu định cư xã Phú Lý	460
4	Khu định cư 0,87 ha (xã Tân An)	
	Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.000
5	Khu định cư 3,8 ha (xã Tân An)	
	Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.000
	Các đường còn lại	1400
6	Khu tái định cư ấp 5 (xã Thạnh Phú)	
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 5	4.900
7	Khu dân cư, tái định cư Miền Đông (xã Thạnh Phú)	
	Các đường trong Khu dân cư, tái định cư Miền Đông	4.900
8	Khu định cư khu phố 1 (thị trấn Vĩnh An)	
	Đường Lê Duẩn (từ đường Phan Chu Trinh đến đường Võ Văn Tần)	2.100
	Các đường còn lại	1.470

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất
9	Khu định cư khu phố 8 (thị trấn Vĩnh An)	
	Đường Phan Chu Trinh (ĐT 768), đoạn từ đường Quang Trung đến ngã ba Điện lực	3.000
	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) (Đoạn từ ngã tư Đập Tràn đến cổng Công ty Thủy điện Trị An)	3.000
	Các đường còn lại	2.100
10	Khu tái định cư ((cũ) (mở rộng))(xã Trị An)	
	Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ BĐDC số 58, xã Trị An)	650
	Các đường còn lại	650

